

## TRÍẾT LUẬN VỀ TÔN GIÁO TRONG TIỂU THUYẾT CỦA NGUYỄN KHẢI

Lê Thành Vinh

Nhận bài:

17 – 11 – 2016

Chấp nhận đăng:

25 – 03 – 2017

<http://jshe.ued.udn.vn/>

**Tóm tắt:** Tôn giáo được xem là một trong những đề tài kết tinh sự từng trải cả trong đời lẫn trong nghề của Nguyễn Khải. Quan tâm đặc biệt đến lĩnh vực này và nhìn về nó bằng một cái nhìn “động”, nhà văn đã đi sâu khám phá một vùng hiện thực không dễ nắm bắt. Theo nhà văn, nếu xem tôn giáo như một hành vi hướng thiện của con người và nhu cầu tín ngưỡng là tự nhiên và tự do đối với mỗi người, thì ảnh hưởng của tôn giáo sẽ là tích cực. Tôn giáo chân chính không phải dẫn con người đi vào cõi mù mịt của vô thức để rồi lạc bước, mà chính là để thanh lọc tâm hồn, đem lại niềm an vui nội tâm... Bởi thế, mọi hành động xúc phạm đến đức tin của người khác đều là vô nhân đạo, thậm chí như là tội giết người... Triết luận về tôn giáo như thế, tiểu thuyết của Nguyễn Khải đã góp phần “nới rộng thước đo của chủ nghĩa nhân đạo”, đem lại cho văn học Việt Nam một cái nhìn rộng mở hơn đối với đời sống.

**Từ khóa:** triết luận; tôn giáo; đức tin; tiểu thuyết; Nguyễn Khải.

## 1. Mở đầu

Nguyễn Khải (1930-2008) là một trong số ít những nhà văn giàu bút lực và có cá tính sáng tạo độc đáo. Thuộc thế hệ cầm bút xuất hiện từ cuối cuộc kháng chiến chống Pháp trong tư cách một nhà văn quân đội và trưởng thành sau ngày hòa bình, tính đến hết năm 2007, Nguyễn Khải đã có hơn nửa thế kỷ hoạt động liên tục trên các lĩnh vực báo chí và văn học nghệ thuật. Sự nghiệp sáng tác của ông bao gồm nhiều thể loại và ở thể loại nào cũng có tác phẩm nổi trội. Mỗi tác phẩm của Nguyễn Khải ra đời không chỉ có ý nghĩa đánh dấu những tìm tòi trần trụi của nhà văn trên con đường sáng tạo mà còn góp phần tạo nên diện mạo của văn xuôi Việt Nam sau 1945.

Riêng thể loại tiểu thuyết, Nguyễn Khải là người mở đường và khai phá một hướng đi mới: khuynh hướng tiểu thuyết chính luận - triết luận. Lúc đầu, tiểu thuyết của ông thiên về chính luận - thời sự, đề cập đến những vấn đề đặt ra trong đời sống xã hội - chính trị, và nhà văn tham gia vào giải quyết những vấn đề đó với tư cách là một nhà hoạt động xã hội, một nhà tư tưởng. Càng về sau, giọng văn càng giàu suy nghiệm, hướng vào

chiều sâu triết lý của đời sống nhân sinh, theo quan niệm: “nghệ thuật là khoa học thể hiện lòng người”. Với cái nhìn sắc sảo, giàu sức phát hiện, đến với tác phẩm của ông, người đọc có cảm giác như đang được nhà văn “nói hộ hoặc đánh động cho tư tưởng của mình” (Phong Lê).

Tôn giáo (chủ yếu là Thiên Chúa giáo - những tác phẩm mà bài viết đề cập) được xem là một trong những đề tài kết tinh sự từng trải cả trong đời lẫn trong nghề của Nguyễn Khải. Đó là *vùng thẳm mỹ*, cũng là *lãnh thổ riêng* để nhà văn “thỏa sức khai vỡ”. Quan tâm đặc biệt đến lĩnh vực này và nhìn về nó bằng một cái nhìn *động*, nhà văn có điều kiện đi sâu khám phá, tái hiện, nghiên cứu những vấn đề cho đến tận hôm nay vẫn mang tính thời sự. Thần quyền và thế quyền, thực tiễn và đức tin, tâm linh và trí tuệ... cùng nhiều vấn đề khác đặt ra đã giúp nhà văn có điều kiện phát huy những năng lực bén nhạy của riêng mình qua nhãn quan tôn giáo mang tính thần đối thoại.

## 2. Nội dung

## 2.1. Tôn giáo - đề tài “ẩn ức” trong tiểu thuyết Nguyễn Khải

Nguyễn Khải đã nhiều lần bộc bạch, từ nhỏ ông đã có cái thiên hướng về cái thiêng liêng, về cái thế giới bên kia. Đó là nơi có thể tìm một chỗ ẩn náu cho “cái thân phận bấp bênh” của mẹ con ông, cũng là nơi giải tỏa cho nhiều “ẩn ức” của một tuổi thơ có quá nhiều nỗi buồn.

\* Liên hệ tác giả

Lê Thành Vinh

Trường THPT Chuyên Lê Thánh Tông, tỉnh Quảng Nam

Email: lethanhvinhedu@gmail.com

Trong khi hầu hết các nhà văn đều cảm thấy e ngại trước vấn đề tôn giáo thì với Nguyễn Khải, nó trở thành đề tài cuốn hút. Đó là mảng đề tài ông hằng say viết và viết với một trạng thái gần như xuất thần. Cái cần nói vẫn cứ nói được, càng nhiều trời buộc, câu văn càng lăm ý tứ, càng lung linh, càng hay.

Đến năm 1957, sau gần chục năm “thử bút”, Nguyễn Khải bắt đầu thâm nhập vào cái bề bộn, ngổn ngang của người và việc đang diễn ra tại một xã Công giáo. Nhà văn “*ghi lại thật trung thành những gì mắt nhìn thấy, tai nghe thấy, cảm nhận một cách trung thực những cái sai đúng, trái phải của mấy nhân vật chính mà viết*” [5 tr.151]. *Xung đột* là tác phẩm đề cập đến tôn giáo sớm nhất trong văn xuôi cách mạng Việt Nam, được bạn đọc hoan nghênh đón nhận vào thời điểm đó. Đúng như tên gọi, tác phẩm thể hiện sự quan tâm của nhà văn tới đề tài về cuộc đấu tranh gay gắt đang diễn ra ở nông thôn ngay trong điều kiện hòa bình. Cụ thể là tác phẩm tập trung giải quyết “vấn đề xứ Hồ” trong những năm đầu sau cái cách ruộng đất, nơi thường xảy ra “*những vấn đề chính trị rắc rối nhất của huyện, của tỉnh*” [3, tr.228].

Những năm về sau, trong nhiều đợt đi viết tại nhiều xứ đạo, được trò chuyện với nhiều linh mục, già có trẻ có, dân chủ tiến bộ có, phong kiến bảo thủ có, và nhiều chức sắc của các tôn giáo, Nguyễn Khải đã có những hiểu biết sâu sắc hơn về tôn giáo nói chung, về mỗi tôn giáo nói riêng. Đồng thời, thực tiễn đất nước giúp ông có điều kiện để suy nghiệm, tìm hiểu cả phương diện lạc hậu và bất lực của tôn giáo trong quá trình phát triển của xã hội lần hướng hòa hợp cùng dân tộc. Nguyễn Khải lại tiếp tục khai thác đề tài này trong hoàn cảnh mới và với những ý tưởng mới, theo cảm quan của riêng ông. Các tác phẩm *Cha và Con và...*, *Thời gian của người*, *Điều tra về một cái chết* lần lượt ra mắt bạn đọc. Như vậy, đề tài về tôn giáo được thể hiện trở đi trở lại trong nhiều tiểu thuyết của Nguyễn Khải, vận động gắn liền với thực tiễn đất nước và với sự trải nghiệm của riêng ông.

## 2.2. Triết luận về đức tin tôn giáo

Là một nhà văn cách mạng, Nguyễn Khải thấy rõ sức thuyết phục của chủ nghĩa duy vật, những giá trị tốt đẹp mà chủ nghĩa xã hội đã đem đến cho dân tộc, cho thời đại, cho mỗi con người. Mặt khác, với trái tim nhạy cảm của một người cầm bút, ông coi việc viết văn của mình cũng như công việc của một tu sĩ chân chính: “*chăm sóc cái phần cao cả, cái phần bền vững, cái*

*phần thiêng liêng của con người*” [8, tr.285], mà bản chất con người là phức tạp, đời sống tinh thần của con người là một “lãnh thổ” vô cùng phong phú và cuộc đời con người là một chuỗi mắt xích vô tận của những nghịch lý, những ngẫu nhiên, bất ngờ nên sẽ không toàn diện nếu “rút gọn trong cái đơn giản” để xem xét. Vì thế, nhà văn đã hướng sự quan tâm đến con người trong tính biện chứng của nó. Ông cho rằng: “*Con người là một sinh vật không bao giờ tự hạn chế trong những cơ cấu sinh lý. Luôn luôn nó muốn vươn tới cái tuyệt đối, cái vô biên, cái vĩnh cửu, là những mục tiêu mãi mãi con người không thể đạt tới. Vì không thể đạt tới nên nó mới găm thét và than thở qua thi ca, qua nghệ thuật và qua cả tôn giáo. Trong những lãnh vực siêu nhiên này, con người đã tạo ra bằng chính nó và cho nó một hình ảnh lý tưởng về Thượng Đế, về Đấng sáng tạo ra vạn vật, về vũ trụ, về Vĩnh cửu, thoát khỏi những chiều kích thông thường về không gian và thời gian*” [4, tr.240].

Mở rộng biên độ khám phá hiện thực về phía đời sống tâm linh, nhưng không như các nhà văn khác chủ yếu đi vào thế giới tâm linh trong cuộc sống đời thường (như linh tính, giác mộng, sự thông linh giữa người sống và người chết...), Nguyễn Khải quan tâm đến con người trong cuộc sống tín ngưỡng tôn giáo. Từ góc độ này, nhà văn đã phát hiện ra ở tôn giáo những phẩm chất đẹp đẽ của một phạm trù văn hóa tinh thần thiêng liêng, thấy được sức hấp dẫn bởi vẻ đẹp hướng thượng của tôn giáo. Theo nhà văn, tôn giáo chân chính không phải dẫn con người đi vào cõi “tù mù” của vô thức để rồi lạc bước, không tìm thấy lối ra mà chính là để thanh lọc tâm hồn cho con người, giúp họ điều tiết mọi hành động và hướng tới cái thiện, mang lại niềm an vui nội tâm. Sống bằng đức tin, con người sẽ trở nên tốt hơn, nhân từ hơn, yêu người hơn, bớt tham lam và bớt tự phụ hơn. Trong những hoàn cảnh cụ thể, nó còn giúp con người lấy lại lòng tin, lấy lại thế cân bằng, thoát khỏi sự cô đơn, hay nói như Socrate: “*Có một “vị thần hộ mạng”, một tiếng gọi trong tâm linh xui dạy ta làm điều phải. Làm điều phải tức là đạt được đạo đức. Và đạo đức tức là hạnh phúc, tức là chân lý*” [dẫn theo 6]. Vì vậy, tin vào tôn giáo cũng là nhu cầu tự nhiên. Đức tin - đó là thứ “*luơng thực tinh thần*”, nó thuộc về bản thể người. Mọi hành động xúc phạm đến đức tin như: áp đặt (độc tôn niềm tin) hay lợi dụng niềm tin của người khác đều là phi nhân tính. Khi viết *Xung đột* - cuốn tiểu thuyết đầu tiên, như nhiều nhà văn khác, Nguyễn Khải đã đứng

trên cái nhìn quy chiếu từ ý thức hệ, trên lập trường giai cấp để giải quyết vấn đề tôn giáo. Tác phẩm được viết để lần ra cái sợi dây bí ẩn cột chặt người dân xứ Hồ với nhà thờ; để chỉ ra mối dây liên hệ giữa tâm lí mê tín dị đoan và niềm tin tôn giáo trong lòng những người nông dân một vùng quê đồng bằng Bắc bộ. Mục đích của tác phẩm là nhằm vạch trần những kẻ phản động đội lốt tôn giáo đã khiến cho cái môi trường tín ngưỡng của người dân xứ Hồ bị vẩn đục; khiến những người nông dân công giáo vốn hiền lành trở thành tay sai, thành công cụ để những kẻ phản động lợi dụng. Nhà văn cũng đề xuất các biện pháp để giải phóng về mặt tinh thần cho con người, bằng mọi cách “*kéo họ từ dưới đáy vực sâu thẳm của sự ngu dốt, mê muội, đưa họ lên mặt đất để nhìn mọi vật của ánh sáng ban ngày ...*” [3, tr.291].

Song, bằng sự nhạy cảm của một nghệ sĩ khát khao đi tìm hiểu sự thật lòng người, dường như Nguyễn Khải cũng đã cảm nhận được là ở tận đáy sâu tâm hồn con người, trong cõi tâm linh vẫn luôn ngự trị niềm tin vào một tôn giáo đích thực. Người dân xứ Hồ vốn đã sống theo những nền nếp được định sẵn từ ngày khai hoang lập ấp. Tình yêu Thiên Chúa với đức tin thiêng liêng đã trở thành những giá trị bền vững đặc biệt, và họ đã nương tựa vào nó để được sống yên ổn. Họ chỉ quan tâm đến có hai điều: “*Khi còn ở thế gian thì được thánh thời, no đủ, bằng anh bằng em, khi nhắm mắt thì được về nơi Chúa ngự, rảnh rỗi phần linh hồn*” [3, tr.289]. Ngay cả với Nhân (Phó chủ tịch xã) - một trong những cán bộ trung thành tuyệt đối với lý tưởng cách mạng, một người nổi tiếng với cách “*làm việc có lý lẽ và sáng suốt*”, nhưng trong cái thời gian mà công việc của một ngày vừa làm xong, khi có dịp “*để ý đến cái chông lằng trong tâm hồn mình*” [3, tr.120], Nhân như trôi vào không gian huyền nhiệm của tâm linh, khuôn mặt tưởng chừng như sắp hóa thánh. Lúc ấy, “*trước mắt Nhân chỉ còn Đức Mẹ khoác áo choàng xanh, âu yếm ôm Chúa Hài đồng trong tay, và đằng sau Mẹ là tháp chuông nhiều cửa cao chót vót của nhà thờ*” [3, tr.121]. Nhân cảm thấy hết thảy mọi thứ ở đời đều có chỗ tận cùng của nó, “*chỉ có tình yêu trong Chúa và Mẹ là bền vững mãi mãi*” [3, tr.121]. Trong bóng đêm, cái thế giới của thiên thần, của đức tin lại bừng sáng, thổi thức, lôi cuốn Nhân: “*Trước mặt Chúa và trong giờ phút thiêng liêng của đêm tối, Nhân không còn là một cán bộ (...)* Nhân chỉ còn và chỉ muốn là một đứa trẻ hết sức ngây thơ và trong trắng, là con người hoàn toàn yếu đuối (...) sung

*sướng được chịu ơn Thiên Chúa và hãnh diện về lòng mến Chúa hơn cả mọi người (...)*. Như một thói quen, mỗi lúc ngồi đọc kinh, lòng Nhân lại muốn thổn thức, muốn van lơn, muốn thú tội (...) trong lòng lại tràn ngập một niềm vui sướng nhẹ nhàng” [3, tr.143].

Quả thật, đi sâu tìm hiểu thế giới nội tâm của một trí thức công giáo như Nhân, ngồi bút nháy cảm của Nguyễn Khải đã nắm bắt rất đúng, rất thật về những gì diễn ra trong tầng sâu ý thức của mỗi con người. Nhà văn bắt đầu nhận ra rằng, nhu cầu tín ngưỡng lành mạnh của con người là có thực và nó đã chi phối một cách sâu sắc đến đời sống của mỗi cá nhân.

Sau 1975, Nguyễn Khải tiếp tục trở lại với những vấn đề “*chưa đủ để có một kết luận dứt khoát*” trong *Xung đột*. Nhà văn đã từng suy nghĩ thật nhiều: “*Viết về những con người sống và chiến đấu cho một lý tưởng xã hội là công việc quen thuộc của chúng ta, khỏi bàn cãi. Nhưng quan tâm một cách thông cảm và trân trọng những người sống cho một niềm tin tôn giáo trong sáng có phải bị chê trách là sai lệch không? Là có khuynh hướng duy tâm không?*” [2, tr.3].

Sau nhiều lần “*sắc mắc*” nghĩ ngợi, băn khoăn vì “*những điều trông thấy*”, cùng với một nhãn quan nhạy bén, ông đã tiếp cận hiện thực từ nhiều chiều để nhìn rõ thực chất vấn đề (từ phía bên trong tôn giáo). “*Đặt tôn giáo vào góc nhìn của nhân tính, xem xét nó từ nhu cầu tín ngưỡng, tâm linh của con người*” [1, tr.99], ông nhận ra rằng tôn giáo sẽ không mất đi mà nó sẽ tồn tại đồng hành cùng với con người, với nhân loại: “*bảo rằng tôn giáo sinh ra do bạc nhược và ngu dốt, chỉ đúng có một phần, tôn giáo cũng sẽ sinh ra khi con người đã tự ý thức như một chúa tể*” [4, tr.240]. Đức tin tôn giáo sẽ là vẻ đẹp tinh thần cao quý, là nguồn gốc sức mạnh vô tận của con người. Qua hàng loạt tiểu thuyết được viết sau này, Nguyễn Khải nhiều lần nhắc lại quan niệm: “*Xác phàm cần lúa gạo, tâm linh cần Thượng Đế. Đói ăn thì chết nhưng đói Thượng Đế sẽ thành thú vật*” [4, tr.373]. Tuy vậy, nhà văn cũng nói rất rõ rằng đức tin là thiêng liêng và tự do, không thể ép buộc được “*một lòng tin chủ động có sức mạnh chống chọi hơn một lòng tin tùy thuộc*” [3, tr.658]. Đức tin không phải là một bảo chứng, một nguồn vốn. Đức tin cũng không đơn giản là một thứ gì mờ ảo khiến cho con người cứ yên tâm thả mình vào đó, mà là để giúp cho con người nhận thức. Nó kéo theo

toàn bộ lý trí, ý chí, cảm giác - hết mọi chiều kích trong đời sống con người. Một lý tưởng, một niềm tin sáng suốt mới có thể đem lại cho con người một tiềm lực tinh thần lớn lao. Cha già Quán Hạt, cha Thu, (*Cha và Con và...*), cha Vĩnh (*Thời gian của người*),... là những nhân vật mang chở rõ nhất, sống động nhất những suy nghĩ, cảm nghiệm của Nguyễn Khải về sức mạnh của đức tin tôn giáo chân chính đối với đời sống tinh thần của con người.

Cha già Quán Hạt, cha Thu, cha Vĩnh là những vị linh mục mà dù làm gì và ở vào hoàn cảnh như thế nào cũng đều toát lên một vẻ đẹp từ tâm hồn. Những con người này đều xem trọng đời sống tinh thần và say mê đắm đuối theo đuổi cái mục đích mà họ tự nguyện gắn bó. Họ luôn muốn được dâng hiến, được hi sinh cho đồng loại; luôn muốn vươn tới sự tận thiện, tận mỹ. Nhưng cái quan trọng là họ đã đến với đạo, sống trong đạo một cách sáng suốt, đã không chấp nhận bằng giá trị cũ, niềm tin cũ mà chủ động lựa chọn cho mình một niềm tin riêng. Cha già Quán Hạt sau mấy chục năm hành đạo, chứng kiến sự phức tạp trong guồng máy của Tòa Giám và di sản đau buồn mà các đẳng bậc đi trước để lại, ông lặng lẽ sống và hành đạo tại một nhà thờ nhỏ của một vùng quê hẻo lánh. Ông đã lựa chọn cho mình một cách sống để giữ được cái cân bằng giữa người công dân và tu sĩ, đồng thời thoát khỏi những dằn vặt vô ích giữa đức tin và thế tục. Cha già Quán Hạt thực sự trở thành một người cha tinh thần cho cả một xứ đạo.

Cha Thu cũng chính là người sống hết lòng vì Chúa, không một phút xa rời đức tin. Là một linh mục của sách vở, của kinh viện, lẽ sống và niềm đam mê duy nhất của cha Thu là phải thực hiện được sứ mệnh của một đẳng cấp chiền kiêu mẫu: chăm sóc phần linh hồn, thấp sáng đức tin của những con chiền trong xứ đạo mình phụ trách. Gặp phải một thực tế không như mơ tưởng, từ “ngày khó khăn đầu tiên” đến “năm khó khăn đầu tiên”, trước sứ mệnh phải gánh vác, trước những giáo lý cứng nhắc, xưa cũ và một sự thật mà lâu nay mình nhảm tưởng, cha Thu đã nhiều lần trăn trở. Thực tế cuộc sống cuối cùng cũng đã giúp ông nhận ra rằng: *“Ta sống để mà tin, nhưng ta có quyền tin vào những niềm tin của chính mình, thoát khỏi mọi sự ràng buộc của những lời chỉ bảo, của lề luật, của dư luận, của thành kiến đã hóa ra phi lý, lỗi thời, xa cách quá đáng cuộc sống bình thường của giáo hữu, của thời thế”* [4, tr.721].

Suy nghĩ ấy đã giúp cha vượt qua mọi trở ngại, biết chọn chỗ “sáng” và biết chối từ chỗ “tối”... Cuối cùng, vị chân tu trẻ tuổi này cũng đã tìm được một đức tin cho riêng mình - một đức tin giản dị, thông thường, đức tin của nhiều người; một đức tin có thể hòa hợp được với chính mình, với xã hội.

Không quá khó nhọc như cha Thu, Cha Vĩnh đến với Đạo một cách tự nhiên và ý thức một cách rất sáng suốt, chủ động trước những vấn đề mà mình phải đối diện nhờ đã xác tín cho mình một đức tin riêng về Thiên Chúa - một đức tin có Thượng Đế trong tim nhưng lại hoàn toàn chủ động. Cha Vĩnh đã từng phát biểu những quan niệm mà nhiều người cho là khác thường như: *“Lòng tin luôn luôn là sống động, là dẫn theo một tư tưởng nhất định, trong sự lựa chọn thường xuyên để cuộc sống con người có một ý nghĩa cao cả nào đó”*... [4, tr.204]. Tức là lòng tin không phải có sẵn, bất động, vĩnh hằng, chỉ có quy chiếu về Thiên Chúa. Tìm được cho mình một đức tin, không nô lệ cho bất cứ một thuyết giáo nào nên cha Vĩnh sống rất ung dung tự tại. Lẽ sống của cha Vĩnh là lẽ sống của một con người đầy lòng nhân ái. Dẫn thân một cách đại độ bằng những việc làm cụ thể, hữu ích để phục vụ anh em đồng loại của mình nên cha Vĩnh luôn cảm thấy thanh thản, bình yên...

Quả thực, khám phá con người từ phương diện đời sống tâm linh - tôn giáo, nhiều chiều cạnh của thế giới tinh thần con người qua ngòi bút của Nguyễn Khải đã hiện lên rất sống động. Suy nghiệm để rồi triết thuyết về đức tin tôn giáo như một trợ lực tinh thần, hướng thượng và bảo dưỡng tính thiện trong con người như vậy, nhà văn đã chạm được đến tận gốc rễ của con người ở “bên kia bờ lý tính”. Nhờ vậy, người đọc đã có những nhìn nhận khách quan hơn về tôn giáo. Đúng là mọi tri thức khoa học (theo đúng nghĩa của nó) đều cần thiết, nhưng không thể coi là đủ. Vì để sống cuộc sống con người (cũng theo đúng nghĩa của nó), ngoài tri thức khoa học ra, còn phải có nhiều thứ khác: đạo đức, mỹ học,... và cả tâm linh. Do đó, nếu xem tôn giáo như một hành vi hướng thiện của con người và nhu cầu tín ngưỡng là tự nhiên và tự do đối với mỗi người, thì ảnh hưởng của tôn giáo sẽ là tích cực, sẽ mang giá trị và ý nghĩa nhất định cho con người.

Suy nghiệm để rồi triết luận về đức tin như thế, rõ ràng Nguyễn Khải đã không theo đi theo lối tư duy đã được “mặc định”. Đây là sự thức nhận của một nhà văn

thực sự có tư tưởng. Nhà văn đã phải mất nhiều năm tháng nghiền ngẫm, theo độ chín của tài năng và phải gắn với những bước chuyển, những đổi thay của lịch sử đất nước mới có thể đi tới được tận cùng vấn đề mà ông theo đuổi. Đã nhiều lần Nguyễn Khải tự thán: “làm người khó thay!”. Qua những trang viết về tôn giáo như đã nêu, nhà văn càng giúp chúng ta cảm nhận rõ hơn nỗi khó nhọc của phận người và cũng từ đó mà biết cảm thông và yêu thương con người hơn.

### 2.3. Triết luận về mối quan hệ giữa đạo và đời

Mở rộng biên độ khám phá về hiện thực cuộc sống, xâm nhập vào đời sống tâm linh của con người một cách duy lý, Nguyễn Khải đi đến triết luận: “*Con người sở dĩ khác với con vật vì nó không chỉ sống cho cái bây giờ, cái tức thì, cái trước mắt, mà còn dám sống cho một niềm tin cao đẹp, thiêng liêng hơn chính là bản thân nó. Hoặc là niềm tin vào một lý tưởng xã hội. Hoặc là niềm tin vào một lý tưởng tôn giáo*” [4, tr.3]. Cho nên “*bảo rằng tôn giáo sinh ra do bạc nhược và ngu dốt chỉ đúng có một phần, tôn giáo cũng sẽ sinh ra khi con người đã tự ý thức như một chúa tể*” [4, tr.240].

Tuy nhiên, bản thân tôn giáo có phù hợp với sự phát triển mau lẹ, phong phú của đời sống con người hay không? Giáo lý, giáo luật có còn phù hợp hay đã lỗi thời? Tôn giáo có gắn với dân tộc và nhân dân hay đi ngược lại với lợi ích của họ?... Đó là những vấn đề được đặt ra từ những trang viết của Nguyễn Khải. Thực tế cuộc sống cùng với linh khiếu của một văn nghệ sĩ đã giúp nhà văn của chúng ta mạnh dạn bày tỏ những suy nghĩ rất mới mẻ về tôn giáo. Lần lượt qua các tác phẩm, Nguyễn Khải đã đi tới những khái quát lớn về tôn giáo với dân tộc, tôn giáo với chủ nghĩa xã hội, tôn giáo với quá trình vận động để tồn tại của chính nó... Những suy nghiệm ấy cũng chính là lời đề nghị hành động nhằm tạo nên sự hòa hợp giữa tôn giáo với cuộc đời.

Xuyên suốt qua các trang viết, qua các nhân vật hoạt động tôn giáo, Nguyễn Khải đã chuyển đến người đọc một cách nghĩ mới và một khuynh hướng mới của tôn giáo theo “*tiên cảm*” của ông. Tôn giáo trong thời đại mới “*sẽ biểu hiện như một thăng hoa chứ không còn là công cụ của đe dọa và áp bức. Nó sẽ thuộc phạm trù văn hóa chứ không còn thuộc phạm trù của quyền lực như hiện tại. (...) Linh mục sẽ chăm sóc linh hồn con người như một nghệ sĩ chứ không phải như một anh lính canh sát*” [4, tr.240]. Nhìn vào xu hướng vận động của thời đại, có thể thấy là mục đích hướng đến của đạo và

đời là một, đang hướng lại gần nhau và sẽ hội tụ, hòa đồng trong một tôn giáo mới của toàn nhân loại, ấy là Tình Yêu. Vì vậy, đạo và đời phải là một, phải thống nhất nguyện vọng và cùng san sẻ trách nhiệm”. “*Về phía Giáo hội thì đừng để xảy thêm những chuyện đáng tiếc, về phía anh em mình thì đừng vì một vài chuyện đáng tiếc ấy mà sinh ra nghi ngại, phân vân. Nghĩa là cả hai bên đều phải cố gắng sáp vào, bỏ qua các tiểu tiết để hoàn thành một đại sự*” [4, tr.249]. Nếu cả hai bên thành tâm yêu thương nhau và yêu thương con người thì hãy bỏ qua các “*tiểu tiết*” để tiến đến sự hòa hợp.

Với bản thân tôn giáo nói riêng, cái cần thiết nhất hiện nay là phải tự vận động, phải có những đổi mới căn bản nếu không muốn chỉ tồn tại bên lề cuộc sống. Theo suy nghĩ của nhà văn, để phù hợp với sự phát triển mau lẹ, phong phú của đời sống xã hội loài người, nó “*cần một cuộc cách mạng, một cái nhìn hoàn toàn mới trên một căn bản thần học lấy con người làm tiêu chuẩn của mọi mục vụ*”... [4, tr.239]. Do đó: “*Tôn giáo phải tự giải phóng ra khỏi những ám ảnh về quyền lực thì mới tồn tại được, kể cả quyền lực về tinh thần. Phải là lãnh vực bình đẳng nhất, tự do nhất, người ta chỉ đến với tôn giáo bằng tình yêu, bằng trái tim, bằng những suy gẫm cao cả để cuộc sống của bản thân trở nên siêu việt (...) kẻ thù chính của tôn giáo là mặt đối nghịch với chính nó, là quyền lực. Quyền lực sẽ chia xẻ họ ra, gây căm giận và thù hận giữa các hệ phái, là mầm mống hủy diệt nếu những người lãnh đạo các tôn giáo không kịp thời ngăn chặn*” [4, tr.300].

Chiếu rọi vào những nhân vật tôn giáo, đặc biệt là những linh mục cấp tiến mang khát vọng làm cách mạng tôn giáo như cha Thư trong *Cha và Con* và..., cha Vĩnh trong *Thời gian của người*... độc giả sẽ được cảm nhận một cách chi tiết hơn về cái “*đề án*” cho nền “*thần học cách mạng*” ấy. Cha Thư không chỉ đại diện cho một cha cố thuần túy mà còn đại diện cho những nhân vật tiên bộ nhận thức rõ cần có những cái cách cần thiết để “*đạo Thiên Chúa xứng đáng là đạo cứu nhân độ thế (...), là đạo Thiên Chúa của người Việt Nam, vì lòng yêu thương con người, vì hạnh phúc lâu dài của con người*” [3, tr.691]. Với vốn hiểu biết mà Chúng viển đã trang bị cho trong suốt mười mấy năm và một hình ảnh tốt đẹp về “*nước Chúa*” trong tâm tưởng, cha Thư rời Tòa giám về xứ Nhất nhậm chức với hi vọng hoàn thành tốt vai trò gánh vác “*công nghiệp cao cả*” của Hội Thánh, xứng đáng là người “*được ơn thiên triệu*”. Những ngày đầu hành đạo, cha Thư đã rơi vào bế tắc.

Đầu tiên là lễ nghênh tiếp vị chủ chiên của ban hành giáo hàng xứ mà về tôn nghiêm đã trở thành hài hước, vênh váo bởi sự không ăn nhập giữa quang cảnh tiếp đón với những phép tắc của nhà Chúa, bởi thái độ gương gao của những người thay mặt chính quyền, sự ngưng ngập của chính các chức sắc của Đạo và thái độ bồn chồn của đám chiên trẻ. Đây là cảnh tượng của ngày đầu cha Thụ nhậm chức: *“Khi linh mục cúi đầu chào các vị trong ủy ban và mặt trận, đám trẻ con liền rẽ người luôn ra nhảy xuống sân ào ào.(...) Các cậu trai khoanh khuỷu, mắt nhìn lừ lừ, miệng lắp bắp: “Lạy cha ạ!”. Các bà ngoan đạo ngông cổ, hét lanh lảnh: “Lạy cha ạ!” cha mạnh giỏi ạ!”. Mấy ông già cũng chấp tay chào trịnh trọng: “Lạy cha ạ!”. Họ chào lạy cung kính, nhưng trong đầu họ nghĩ gì, ai mà biết. Họ thuộc lớp tuổi thích tò mò mọi việc, thích xét nét mọi điều, và bình tán rất độc miệng”* [3, tr.543].

Các cô gái thì chỉ ngắm nghĩa có một người, lách đầu qua vai nhau nhìn trân trân vàng trán, con mắt, cái miệng chỉ của một người, *“rời đồ mắt, rời hích nhau, hăm hứ với nhau, ừ lên, dùn xuống và vô tư trêu chọc cả thừa sai của Chúa”* [3, tr.543]. Khi cha Thụ vẫy tay, ban phép lành cho mọi người thì đột nhiên có một tiếng gọi hết sức bất ngờ, hết sức rành rõ, khiến ông cha trẻ “chết lặng” người: *“Anh Thụ!”* [3, tr.559], *“rời nghe có tiếng cười, tiếng cười tuy nhỏ nhưng vẫn rất rõ đâm suốt qua đám đông (...) Người này lườm nguýt người nọ, có ý nhắc nhở nhau giữ đúng phép tắc, nhưng càng nhìn nhau, đùn đẩy nhau lại càng muốn cười quá...”* [3, tr.559]. Trong nháy mắt, những tiếng cười dồn nén luôn lời khấp các nhóm người, đến nỗi các chức dịch hàng xứ đứng hầu cha cũng *“không dám ngược nhìn vị chủ chiên, e rằng chính mình cũng không giữ được sự kính cẩn cần phải có”* [3, tr.559]. Chỉ trong ngày đầu tiên, vị sứ đồ “trẻ tuổi, đẹp trai” đã phát hoảng, mồ hôi nhễ nhại, *“nhăn nhó như bị quân dữ đùn lên khổ giá”* [3, tr.560].

Tiếp đến là lần lượt các việc đồ thờ trong nhà nguyện đã bị để cho “cũ kỹ, sứt vỡ, hôi mốc, khập khiễng”; việc quyên cúng áo lễ; việc lập xứ đạo riêng của một họ lễ; việc các con chiên có thể trở thành vợ chồng đúng pháp luật mà không cần tới phép cưới của Nhà thờ,... Nhiều vấn đề quá thật chưa từng có trong suy nghĩ của cha. Thì ra, những con chiên của Chúa ở đây hoạt động về phần đời nhiều hơn là phần đạo, nó còn phong phú hơn cả việc đạo, chẳng hề đơn giản như những gì cha Thụ đã được học, đã hình dung. Câu nói

cửa miệng “khó quá”, “khó vậy” thể hiện sự bẽ tắc, nhiều khi cảm thấy bất lực của vị thầy cả này. Đã là con người thì trước hết phải sống giữa đời. Vậy sự có mặt của mình là có ích hay vô ích? Làm sao để dung hòa giữa lề luật của nhà Chúa với lề luật của thế tục?... Sự giằng xé trong nội tâm giữa một bên là đạo, một bên là đời đã khiến cha nhiều lúc như rơi vào hố sâu của sự tuyệt vọng. Về mặt của một vị chân tu lại có lúc trở nên “đờ đẫn”, “ngơ ngác”; dần dần thành kẻ “dở người”, thành ra “lẩn thẩn” trong hành động. Tuy vậy, là một người có học thức, giàu nhiệt tâm với đời, không thể đầu hàng số phận, cha Thụ đã bắt đầu hành trình nhận thức lại. Quan sát lối sống bỏ qua những nguyên tắc của Tòa giám như cha Hòe; tiếp xúc với những người từng đi tu đạt đến nhiều chức thánh nhưng sau đó bỏ đường tu trở về với cuộc sống bình thường như Tâm và biết thêm về những con người bình thường, gần gũi quanh mình; hiểu được sự thật về tấn bi kịch của người chị do một thầy cả của Đạo gây ra; đặc biệt là suy ngẫm về những quan niệm khác thường về giáo lý về tu đức, về các lề luật của Hội Thánh từ cha già Quản Hạt... một vùng đêm mù mịt trong tâm trí cha Thụ như được một tia sáng chói lợi tỏa rọi vào. Sau đêm quý cầu nguyện bên cạnh cha già - khi ngài đã rước Minh Thánh, vị linh mục trẻ đã kêu to: *“Aléluia! Con đã xin nên Chúa cho, con đã gõ nên Chúa mở, từ nay đường đi của con đã được soi tỏ, đã sáng rõ!”* [3, tr.745].

Không chấp nhận kiểu hành đạo của linh mục Hòe, cũng không chịu theo lối xuất thế *“giơ một bàn tay ngắm cả giờ không chán”* [3, tr.667] của cha Quản Hạt, cha Thụ đã đi một con đường riêng. Đó là con đường đi với giáo hữu, con đường sẽ giúp ông không chỉ hòa giải được các bản phận mà còn hòa giải được với chính mình: *“Đi với giáo hữu, tuân theo ý muốn của giáo hữu sẽ hòa hợp được tất cả, vì giáo hữu là nền tảng, là cội nguồn. Cách mạng cũng từ đây mà có, Hội Thánh cũng từ đây mà có...”* [3, tr.746]. Nhìn ở phương diện khái quát nghệ thuật, đây là cuộc đấu tranh để hòa hợp giữa đạo và đời ngay trong một con người như cha Thụ. Từ hành động “rửa tội lại” và sự tự nguyện phụng sự Con Người của vị cha cố này, tác giả đã đề xuất một phương hướng hành động mà cộng đồng tôn giáo cần thực hiện để hướng đến sự hòa hợp tự nguyện, tích cực giữa đạo và đời, cho đúng với xu hướng của thời đại và dân tộc.

Tiến xa hơn cha Thu một bước, cha Vĩnh trong *Thời gian của người* được Nguyễn Khải nâng lên thành nhân vật lý tưởng, mang khát vọng làm Cách mạng tôn giáo. Mở đầu tác phẩm, Vĩnh đã được giới thiệu một cách đầy thiện cảm: *“Anh thuộc tạng người có khuynh hướng bẩm sinh thích được dân hiển, thích hy sinh cho đồng loại, say đắm trong một viễn cảnh dân tộc hòa đồng, một nhân loại đã hòa đồng, con người chỉ còn một lo lắng duy nhất xứng đáng với nó là vươn tới sự tận thiện, tận mỹ. Anh đến với dân tộc, với Cách mạng, và sau này là với chủ nghĩa xã hội hết sức tự nhiên, là cuộc gặp gỡ giữa lý tưởng của một niềm tin, một nguyện vọng. Anh nói: “Mấy anh em chúng tôi đâu phải là một quái tượng trong hội Thánh, mà là thành phần của một khuynh hướng ngày càng lan rộng, nhất là trong số giáo sĩ trẻ của thế giới thứ ba”. Đó là khuynh hướng về một nền thần học Cách mạng, là mối quan hệ giữa Ki-tô giáo và Cách mạng, là Cách mạng hóa Ki-tô giáo...”* [4, tr.203].

Không giống với những đồng sự khác, cách nói năng, cách rao giảng kinh sách, quan niệm về tôn giáo của cha Vĩnh gần như quay ngược 180 độ với những cách hiểu thông thường: *“Thần học trước kia là Thần học của một trật tự đã được xác lập (...) còn Thần học mới là Thần học của lịch sử, của loài người với những đau thương và hy vọng của nó, với sự hiện diện của đáng Ki-tô, Con người”* [4, tr.203-204]. Cha Vĩnh còn lập luận: *“Không thể yêu và tin Thiên Chúa nếu không có Con của Người đã đến với nhân loại như một nhân vật lịch sử, không thể kết hợp với Thiên Chúa nếu không có cuộc đời gương mẫu của Giê-su khi ngài đang tại thế”* [4, tr.169]. Chính vì thế, cha đã dọn mình triệt để cho việc phụng sự con người và cuộc sống trần thế, cho một nhân loại “mãi mãi tươi trẻ trong tranh đấu” chứ không phải là thần thánh và một thiên đường hứa hẹn. Nhân danh những con người nguyện sẽ dâng hiến cuộc đời cho dân tộc, cho những con người lao động của đất nước, ông nói: *“Tôi là trước hết phải thuộc về một tập thể nào đó, hằng ngày được nghe họ nói cười, tham gia vào đời sống của họ như một khuyến khích, một an ủi, một cảm thông, nâng đỡ họ để chính mình cũng tìm thấy sức mạnh tự nâng mình lên”* [4, tr.241].

Nếu như tinh thần cốt lõi truyền của Ki-tô giáo là *“không có sự cứu rỗi ngoài giáo hội”* (Extra Ecclesiam nulla salus), thì cha Vĩnh và những giáo sĩ trẻ khác lại cho rằng *“không có sự cứu rỗi trong giáo hội”* (Intra Ecclesiam nulla salus) [4, tr.170]. Vì vậy, rao giảng Tin

Mừng không phải bằng cách ra đi chỗ này chỗ khác, tập hợp mọi người lại để giảng dạy như Chúa Giê-su ngày xưa, rao giảng Tin Mừng là làm gương bằng chính đời sống của mình. Truyền giáo bằng chính đời sống bác ái, phục vụ tha nhân, bằng chính lòng khiêm nhường, lòng khoan dung và yêu mến hết thảy mọi người. Từ chính cuộc sống của mình mà người khác nhận ra có Chúa đang hiện diện, và đạo công giáo là đạo của đời sống.

Cha Vĩnh đã chủ động tự tìm đến với cách mạng từ rất sớm, tự nguyện trở thành người hành động trong một cộng đồng hành động. Ông quan tâm giúp đỡ, cung cấp tin tức cho Quân; tham gia ngăn chặn việc Tòa thánh thay đổi Đức Giám mục nhằm mục đích đưa Giáo hội Việt Nam vào thế chống lại dân tộc mình... Là người dân thân trên một con đường mới, cha Vĩnh còn khá đơn độc và chưa phải đã hết những rào chắn, thậm chí phải xoay trở khá vất vả trong những giới hạn chật hẹp và gò bó của guồng máy đã đào tạo ra mình. Tuy nhiên, với việc ý thức được rõ rệt sứ vụ của mình, tự nguyện đảm lãnh trách nhiệm, sống một cách minh nhiên và tìm thấy niềm vui trong niềm vui chung của cả dân tộc như vậy, con đường đi của cha Vĩnh là đầy triển vọng. Và như vậy, cha Vĩnh quả là hiện thân của cuộc gặp gỡ lý tưởng, *“là kẻ tiên tri cho nhu cầu đối thoại với Tuyệt đối của con người trong lòng xã hội mới, một nhu cầu mà pháp luật thừa nhận, miễn là nó được giải phóng ra khỏi những cám dỗ của quyền lực, (...) để chỉ còn là một hình thái thuộc phạm trù văn hóa, trong đó chứa đựng những gì là tinh hoa của trí khôn nhân loại”* [4, tr.360]. Câu chuyện của cha Vĩnh, do vậy, còn là triết lý hành động cho những người Ki-tô giáo hôm nay. Sống đúng, hành động đúng với người công giáo giờ đây là trở về với dân tộc, với nhân dân, với giáo hữu và phải cùng gánh vác, san sẻ trách nhiệm với đời. Nhà văn cũng gởi một thông điệp: không có niềm tin nào là tuyệt đối vì nó phải gắn với thực tiễn và biến đổi cùng với thực tiễn để đem đến những giá trị đích thực cho con người. Bởi vậy, *“đạo và đời cùng chịu trách nhiệm trước Đức Chúa mới là Con Người”* [4, tr.366].

Với một *đề án* tư tưởng, một chương trình hành động sắc sảo và thấm đẫm tính nhân văn như vậy, có thể xem Nguyễn Khải như là một “vị sứ đồ tự nguyện” của tôn giáo và đích thực là một nhà văn Cách mạng.

### 3. Kết luận

Quả thực, khám phá con người từ phương diện đời sống tâm linh - tôn giáo, nhiều chiều cạnh của thế giới tinh thần con người qua ngòi bút của Nguyễn Khải đã hiện lên rất sống động. Triết luận về đức tin như thế, rõ ràng Nguyễn Khải đã không theo đi theo lối tư duy cũ mòn. Đây là sự thức nhận của một nhà văn trải nghiệm và thực sự có tư tưởng. Đúng là mọi tri thức khoa học (theo đúng nghĩa của nó) đều cần thiết, nhưng không thể coi là đủ. Vì để sống cuộc sống con người (cũng theo đúng nghĩa của nó), ngoài tri thức khoa học ra, còn phải có nhiều thứ khác: đạo đức, mỹ học,... và cả tâm linh. Do đó, nếu xem tôn giáo như một hành vi hướng thiện của con người và nhu cầu tín ngưỡng là tự nhiên và tự do đối với mỗi người, thì ảnh hưởng của tôn giáo sẽ là tích cực, sẽ mang giá trị và ý nghĩa nhất định cho con người.

Nguyễn Khải đã từng khẳng định: tôn giáo không chỉ là mê tín, là vật thừa, là công cụ của áp bức và bóc lột, mà còn là văn hóa, là máu thịt, là hơi thở, là lẽ sống của hàng triệu con người, kể cả những người cả đời không hề bước chân vào Thánh Đường. Quả thật, qua các tiểu thuyết viết về tôn giáo, ông đã khơi dậy trong độc giả một cảm thức sống động về tôn giáo và đã mang đến cho người đọc một sự thức nhận mới. Đức tin tôn giáo chân chính có ý nghĩa thanh lọc tâm hồn, nó đáp ứng được nhu cầu an sinh phần hồn... Vì vậy, hãy xem đó là nhu cầu tự nhiên của con người. Quan niệm như vậy không có nghĩa là Nguyễn Khải đã quan trọng hóa hay tuyệt đối hóa vai trò của tôn giáo, của đức tin. Điều cốt lõi ở đây là nhà văn muốn nhấn mạnh đến tầm quan trọng của niềm tin, mà đức tin tôn giáo xét cho cùng, nó là một cấp độ, là biểu hiện của niềm tin nói chung trong đời sống tinh thần của con người.

Với những tác phẩm này, Nguyễn Khải đã trở thành một trong những nhà văn có công lớn trong việc “xây dựng lại một quan niệm về con người, đối lập với lối tư duy cằn cỗi, máy móc hoặc chỉ biết sùng bái lí tính”

trong văn học nước ta một thời; giúp cho văn học phản ánh cuộc sống một cách phong phú, đa dạng, chân thực hơn. Đây là một điều chỉnh quan trọng của tư duy văn học, một sự “nới rộng thước đo của chủ nghĩa nhân đạo”, đem lại cho văn học cái nhìn rộng mở hơn đối với đời sống, như nhà văn Nguyễn Ngọc có lần nói: “*Cuộc hành hương vô tận, cuộc tìm kiếm khó nhọc bên trong thế giới riêng từng con người, hành trình ấy không phải là một hành trình thu hẹp dần phạm vi quan tâm của văn học. Ngược lại, đó là một hành trình mở ra ngày càng rộng hơn, phong phú, đa dạng hơn của văn học hôm nay*” [7, tr.13].

### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Bình (2007), Văn xuôi Việt Nam 1975-1995 những đổi mới cơ bản, NXB Giáo dục.
- [2] Nguyễn Khải (1988), “Mấy lời nói lại và nói thêm”, Báo Văn nghệ, số 11, tr.3.
- [3] Nguyễn Khải (2004), Tiểu thuyết 1, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Khải (2004), Tiểu thuyết 2, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Khải (2004), Tiểu thuyết 3, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
- [6] Trần Thị Mai Nhân (2007), “Vấn đề tâm linh trong tiểu thuyết Việt Nam thời kỳ đổi mới”, Tạp chí Sông Hương, số 224 (tháng 10), website: <http://tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c113/n905/Van-de-tam-linh-trong-tieu-thuyet-Viet-Nam-thoi-ky-doi-moi.html>, truy cập ngày 02/10/2008.
- [7] Nguyễn Ngọc (1991), “Văn xuôi sau 1975 - thử thăm dò đôi nét về quy luật phát triển”, Tạp chí Văn học, số 4, tr.13.
- [8] Hà Công Tài - Phan Diễm Phương (2002), Nguyễn Khải - về tác gia và tác phẩm (tuyển chọn và giới thiệu), NXB Giáo dục.

## PHILOSOPHICAL ARGUMENTATION IN NGUYEN KHAI'S NOVELS

**Abstract:** Religion is considered to be among many themes extracted from experience in both the life and the writing career of Nguyen Khai. With great interest in this field and with a flexible look, he has made an in-depth investigation into a realistic domain which is not easy to be apprehended. According to the him, if religion is considered to be a human act that inclines towards righteousness and that the need for religious beliefs is natural and free for everybody, the influence of religion will be positive. True religion does not lead humans to the shapeless world of unconsciousness to get lost but it helps to purify souls and bring back peaceful joy to the internal life,... Therefore, any action offending others' beliefs is inhuman, even murder-like... With such philosophical argumentation on religion, Nguyen Khai's novels have contributed to the “widening of the measurement range of humanism”, thereby bringing back a broader look on life.

**Key words:** philosophical argumentation; religion; belief; novels; Nguyen Khai.